

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HƯNG YÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2026/TT-BYT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục bệnh bẩm sinh cần sàng lọc trước sinh và sơ sinh;

Căn cứ Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 19/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030;

Căn cứ Báo cáo số 1276/BC-BYT ngày 09/7/2026 của Bộ Y tế sơ kết 05 năm (giai đoạn 2021-2025) thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, góp phần giảm tỷ lệ trẻ em mắc bệnh, tật bẩm sinh, giảm tử vong và tàn tật, nâng cao chất lượng dân số và chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90% vào năm 2030.

b) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (*sàng lọc trước sinh*) ít nhất 4 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 90% vào năm 2030.

c) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (*sàng lọc sơ sinh*) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 100% vào năm 2030.

d) Tỷ lệ cơ sở y tế từ tuyến khu vực có đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 85% vào năm 2030.

đ) Tỷ lệ trạm y tế xã, phường có cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 80% vào năm 2030.

e) Nâng cao năng lực chuyên môn của các cơ sở sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh tại Bệnh viện Phụ sản Thái Bình và Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Hưng Yên.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Đối tượng

a) Đối tượng thụ hưởng: Vị thành niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh;

b) Đối tượng tác động: Người dân trên địa bàn tỉnh; ban, ngành, đoàn thể; cán bộ y tế, dân số; tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật

a) Về cơ chế, chính sách

- Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách về dân số, trong đó có chính sách hỗ trợ tài chính khuyến khích nam, nữ chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; hỗ trợ một lần chi phí khám sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh theo giá dịch vụ y tế hiện hành tại các cơ sở y tế công lập đối với đối tượng đủ điều kiện theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số (*Nghị định số 168/2026/NĐ-CP*);

- Tổ chức, triển khai Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND, ngày 12/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung chi, mức chi cho công tác y tế dự phòng - dân số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Động viên, khuyến khích, khen thưởng nhân viên y tế thôn, cộng tác viên dân số vượt chỉ tiêu về vận động các đối tượng tham gia Chương trình;

- Xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đối với tổ chức, cá nhân khi tham gia tư vấn, vận động đối tượng sử dụng các gói dịch vụ cơ bản;

- Xã hội hóa cung ứng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

b) Về chuyên môn kỹ thuật

- Triển khai, thực hiện các văn bản của Bộ Y tế: Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 về việc ban hành hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Quyết định số 3472/QĐ-BYT ngày 07/11/2025 ban hành hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; Thông tư số 12/2026/TT-BYT ngày 15/5/2026 về quy định danh mục bệnh bẩm sinh cần sàng lọc trước sinh và sơ sinh;

- Tổ chức triển khai thực hiện các quy trình chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật; quy chuẩn, tiêu chuẩn của cơ sở cung cấp dịch vụ về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; bộ công cụ giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ và các quy định về trang thiết bị, dụng cụ giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ và trang thiết bị, sinh phẩm y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

2. Tổ chức các hoạt động truyền thông

a) Tổ chức tuyên truyền trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên về chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân số, trong đó chú trọng tuyên truyền về ý nghĩa và tầm quan trọng đến tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

b) Đẩy mạnh các hoạt động: Tổ chức truyền thông trực tiếp, tọa đàm, tư vấn, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ phù hợp với từng nhóm đối tượng, chú trọng phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ mang thai, vị thành niên, thanh niên và các nhóm đối tượng có nhu cầu.

c) Xây dựng, cung cấp và sử dụng các sản phẩm truyền thông như pano, áp phích, tờ rơi, tài liệu... truyền thông tại cộng đồng, khu dân cư, cơ sở y tế cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ

a) Mở rộng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ có chất lượng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

b) Củng cố, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế và điều kiện thực tế của tỉnh.

c) Nâng cao năng lực các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở y tế có đủ điều kiện thực hiện các dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh theo quy định của Bộ Y tế.

d) Tăng cường kết nối, chuyển tuyến chuyên môn giữa các cơ sở cung cấp dịch vụ trong và ngoài tỉnh, bảo đảm phát hiện sớm, chẩn đoán chính xác, can thiệp và điều trị kịp thời các bệnh, tật trước sinh và sơ sinh. Đồng thời, khuyến khích các cơ sở y tế ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức

khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh theo quy định; tạo điều kiện để người dân được tiếp cận dịch vụ có chất lượng.

đ) Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, sinh phẩm và cơ sở vật chất; đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực về công nghệ thông tin, quản trị dữ liệu cho đội ngũ cán bộ y tế; triển khai các kỹ thuật mới phù hợp với năng lực của cơ sở y tế; mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ tại các cơ sở y tế đủ điều kiện nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân.

e) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi, thống kê, báo cáo và kết nối dữ liệu về tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, bảo đảm đồng bộ với hệ thống thông tin y tế, bảo mật dữ liệu cá nhân và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

4. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật mới

Tăng cường nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phổ biến các kỹ thuật mới, tiên tiến trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật của hệ thống y tế trong triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

5. Huy động nguồn lực và hợp tác quốc tế

a) Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số tham gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên bảo đảm hoạt động ở tuyến cơ sở.

b) Vận động các nguồn lực, tài trợ trong và ngoài nước để thực hiện nhanh, hiệu quả các mục tiêu của Chương trình; tăng cường hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết về chuyên môn kỹ thuật, đào tạo, trao đổi chuyên gia, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được đảm bảo từ nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách quy định về dân số, trong đó có chính sách hỗ trợ tài chính khuyến khích nam, nữ chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; hỗ trợ một lần chi phí khám sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh theo giá dịch vụ y tế hiện hành tại các cơ sở y tế công lập đối với đối tượng đủ điều kiện theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

b) Chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nội dung của Chương trình.

c) Chỉ đạo các đơn vị y tế công lập và ngoài công lập triển khai các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh theo quy định, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Đồng thời, chỉ đạo Chi cục Dân số và Trẻ em xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai và tuyên truyền Chương trình tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn toàn tỉnh.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế về kết quả triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

Căn cứ ngân sách địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên

Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, tin, bài, phóng sự; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, nội dung và kết quả triển khai thực hiện Chương trình nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về lợi ích của tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế triển khai lồng ghép các nội dung tuyên truyền, giáo dục về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh vào các hoạt động giáo dục chính khóa, ngoại khóa phù hợp với từng cấp học, góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của học sinh, học viên.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; tham gia góp ý xây dựng chính sách, chương trình, đề án có liên quan và giám sát việc tổ chức thực hiện theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Hưng Yên đến năm 2030 phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình với các chương trình, kế hoạch có liên quan.

b) Đưa mục tiêu, chỉ tiêu sàng lọc trước sinh và sơ sinh vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2026-2030 phù hợp với điều kiện của địa phương.

c) Chỉ đạo các phòng liên quan tổ chức tuyên truyền Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh. Đồng thời, chỉ đạo Trạm Y tế xã, phường là đơn vị đầu mối tham mưu, triển khai kế hoạch trên địa bàn; tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn, cung cấp dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản; quản lý, khai thác dữ liệu dân số; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ được giao; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch, bảo đảm chất lượng và tiến độ đề ra. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế) để tổng hợp, tham mưu xem xét, giải quyết.

Nhận Kế hoạch này, yêu cầu các đơn vị triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng KGVX: Thanh;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Nghiêm